



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ IV NĂM 2015

Đơn vị kế toán : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO  
Mã số thuế : 0302095576  
Giấy ĐKKD : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và  
Đầu tư Tp.HCM  
Địa chỉ : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B,  
Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 08 37503042 Fax: 08 37502825

### Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.102.455.242</b>	<b>57.881.803.460</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.336.932.869</b>	<b>8.717.294.888</b>
1. Tiền	111	V.01	8.336.932.869	8.717.294.888
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.000.000.000	18.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.443.026.166</b>	<b>19.045.537.907</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.861.861.360	6.150.195.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.584.796.106	11.098.891.120
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	8.740.796.861	2.540.879.588
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(744.428.161)	(744.428.161)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>14.866.198.585</b>	<b>703.826.145</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.866.198.585	703.826.145
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>456.297.622</b>	<b>11.415.144.520</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		395.233.939	11.355.652.837
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	61.063.683	59.491.683
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.190.029.262.993</b>	<b>1.162.775.018.996</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.930.773.120</b>	<b>17.930.773.120</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.07	17.930.773.120	17.930.773.120
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.085.653.567.657</b>	<b>204.196.786.827</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.085.540.485.530	204.054.947.552
- Nguyên giá	222		1.789.066.687.968	795.669.969.168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(703.526.202.438)	(591.615.021.616)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	113.082.127	141.839.275
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(802.642.673)	(773.885.525)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>84.625.950.047</b>	<b>913.720.955.299</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	84.625.950.047	913.720.955.299
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>23.482.780.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	0	23.482.780.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.818.972.169</b>	<b>3.443.723.750</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	48.862.780	3.443.723.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	1.770.109.389	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.267.131.718.235</b>	<b>1.220.656.822.456</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>897.592.502.446</b>	<b>867.139.418.421</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.662.840.431</b>	<b>45.434.143.515</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.15	0	6.217.172.672
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		17.934.535.706	25.140.548.638
3. Người mua trả tiền trước	313		15.000.000.000	-
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.791.074.299	612.288.275
5. Phải trả người lao động	315		6.837.709.757	925.763.708
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	35.402.187.790	0
10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	3.421.708.594	11.996.294.587
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		275.624.285	542.075.635
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>815.929.662.015</b>	<b>821.705.274.906</b>
6. Phải trả dài hạn khác	336	V.19	7.210.914.011	7.210.914.011
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.20	808.718.748.004	814.494.360.895
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>369.539.215.789</b>	<b>353.517.404.035</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>369.539.215.789</b>	<b>353.517.404.035</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.299.599.171	24.908.514.689
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.747.616.618	79.116.889.346
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.977.466.330	42.524.518.666
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		57.770.150.288	36.592.370.680
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.267.131.718.235</b>	<b>1.220.656.822.456</b>

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	82.681.088.913	42.955.055.428	303.450.470.360	179.459.197.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		82.681.088.913	42.955.055.428	303.450.470.360	179.459.197.346
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	45.890.029.185	26.172.996.588	171.710.250.989	110.481.431.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		36.791.059.728	16.782.058.840	131.740.219.371	68.977.765.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	514.988.560	108.130.186	1.790.539.438	2.097.606.576
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.371.747.407	146.931.128	24.529.413.461	2.970.704.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.371.747.407	146.931.128	24.529.413.461	2.970.704.385
8. Chi phí bán hàng	24		7.856.868.917	3.877.207.584	32.488.622.974	21.022.829.004
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.969.273.119	1.728.967.478	15.842.983.625	9.132.995.507
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		19.108.158.845	11.137.082.836	60.669.738.749	37.948.843.335
11. Thu nhập khác	31		80.557.190	5.700.648	172.727.289	511.202.375
12. Chi phí khác	32		14.371.218	2.000.004	14.371.218	2.000.004
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		66.185.972	3.700.644	158.356.071	509.202.371
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.174.344.817	11.140.783.480	60.828.094.820	38.458.045.706
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	2.745.366.421	499.811.914	4.828.053.921	1.865.675.026
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.770.109.389)		(1.770.109.389)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.199.087.785	10.640.971.566	57.770.150.288	36.592.370.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	729	427	2.316	1.467

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		351.871.419.000	374.913.439.663
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(100.501.144.652)	(150.436.363.933)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.798.191.951)	(26.222.787.687)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(24.529.413.461)	(2.970.704.385)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.582.499.414)	(1.856.066.655)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.724.340.080	56.116.434.209
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.584.549.451)	(90.463.451.739)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>147.599.960.151</b>	<b>159.080.499.473</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(101.572.285.105)	(305.220.564.638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(180.000.000.000)	(64.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		160.000.000.000	54.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		23.482.780.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.558.789.438	1.211.712.576
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(96.530.715.667)</b>	<b>(314.008.852.062)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		62.254.391.589	254.066.602.702
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74.247.177.152)	(73.356.452.180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.456.820.940)	(24.733.882.171)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(51.449.606.503)</b>	<b>155.976.268.351</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(380.362.019)</b>	<b>1.047.915.762</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.717.294.888</b>	<b>7.669.379.126</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>8.336.932.869</b>	<b>8.717.294.888</b>

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc




Nguyễn Hồng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/09/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Suong - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư □

**Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/09/2015**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam	37,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	42,5%

**2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 28/09/2011 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý IV năm 2015**

*(Tiếp theo)*

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

#### **1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

#### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính hướng dẫn theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính kể từ năm tài chính 2015, Số dư đầu kỳ được điều chỉnh phù hợp với thông tư này

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

#### **3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

#### **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)***3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

**4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Phần mềm quản lý thu phí***

Phần mềm quản lý doanh nghiệp, Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

**Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015**

*(Tiếp theo)*

**6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính; Kể từ 10/12/2012, áp dụng theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính

**8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:**

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)***12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**13 Các bên liên quan:**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1 Tiền</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Tiền mặt	5.752.571.348	2.271.263.813
Tiền gửi ngân hàng	2.584.361.521	6.446.031.075
<b>Cộng</b>	<b>8.336.932.869</b>	<b>8.717.294.888</b>
<b>2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn)	38.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
<b>3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Tạm ứng	7.527.183.857	1.447.215.768
Ký quỹ ký cược	142.550.716	349.280.488
Phải thu khác	1.071.062.288	744.383.332
<b>Cộng</b>	<b>8.740.796.861</b>	<b>2.540.879.588</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)*

4	Hàng tồn kho	31/12/2015	01/01/2015
	Nguyên liệu, vật liệu	459.324.810	394.683.700
	Công cụ, dụng cụ	34.227.650	13.400.760
	Chi phí sản xuất dở dang	14.372.646.125	295.741.685
	<b>Cộng</b>	<b>14.866.198.585</b>	<b>703.826.145</b>
	<i>(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:</i>	<i>14.372.646.125</i>	<i>295.741.685</i>
	Thi công Cầu Mương Lớn II và Cầu Rạch Rộp II	14.076.904.440	
	Thi công hạ tầng dự án KDC mở rộng Phường 6, Tân An, Long An	295.741.685	295.741.685
5	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	31/12/2015	01/01/2015
	Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
	Thuế GTGT	1.572.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>61.063.683</b>	<b>59.491.683</b>

## 8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2015	783.015.579.678	6.835.612.021	5.213.297.055	605.480.414	795.669.969.168
- Mua trong kỳ	33.150.000	1.921.974.581	3.770.487.545	288.612.091	6.014.224.217
-ĐT XD CB hoàn thành	987.382.494.583				987.382.494.583
- Giảm theo TT 45/2013					
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>1.770.431.224.261</b>	<b>8.757.586.602</b>	<b>8.983.784.600</b>	<b>894.092.505</b>	<b>1.789.066.687.968</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2015	582.365.468.146	6.530.485.414	2.543.180.823	175.887.233	591.615.021.616
- Khấu hao trong kỳ	111.060.706.495	181.025.326	575.615.858	93.833.143	111.911.180.822
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm theo TT 45/2013					
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>693.426.174.641</b>	<b>6.711.510.740</b>	<b>3.118.796.681</b>	<b>269.720.376</b>	<b>703.526.202.438</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2015	200.650.111.532	305.126.607	2.670.116.232	429.593.181	204.054.947.552
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>1.077.005.049.620</b>	<b>2.046.075.862</b>	<b>5.864.987.919</b>	<b>624.372.129</b>	<b>1.085.540.485.530</b>

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

8.875.372.939

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)***10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2015	-	-	-	915.724.800	915.724.800
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- DT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2015</b>	-	-	-	915.724.800	915.724.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2015	-	-	-	773.885.525	773.885.525
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	28.757.148	28.757.148
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2015</b>	-	-	-	802.642.673	802.642.673
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2015	-	-	-	141.839.275	141.839.275
Số dư 31/12/2015	-	-	-	113.082.127	113.082.127

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2015	01/01/2015
Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12	3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A	16.198.603.565	724.832.129.725
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2	64.631.937.229	185.377.668.232
Các dự án khác	19.608.311	19.356.400
Sửa chữa lớn TSCĐ	284.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.625.950.047</b>	<b>913.720.955.299</b>

*Trong kỳ, Công ty ghi tăng tài sản cố định do đầu tư Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A (TL10) và Dự án Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2 theo Giá trị kiểm toán XDCB đợt 1*

13 Đầu tư Công ty liên doanh liên kết	31/12/2015	01/01/2015
+ Cty CP XNK Sản xuất gia công và bao bì (vốn điều lệ 50.000.000 đồng)		
Số lượng cổ phần PACKSIMEX	-	1.476.490
Giá trị đầu tư	-	23.482.780.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>23.482.780.000</b>

*Ngày 31/03/2015 Công ty hoàn tất công tác chuyển nhượng khoản đầu tư này*

14 Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)	-	3.278.634.294
Phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013	48.862.780	165.089.456
<b>Cộng</b>	<b>48.862.780</b>	<b>3.443.723.750</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM

Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -

BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)*

<b>15</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động (tại BIDV, EXIMBANK)	-	6.217.172.672
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.217.172.672</b>
<b>16</b>	<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	Thuế GTGT	-	-
	Thuế TNDN	2.745.366.421	462.715.871
	Thuế TNCN	45.707.878	149.572.404
	<b>Cộng</b>	<b>2.791.074.299</b>	<b>612.288.275</b>
<b>17</b>	<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	Trích trước chi phí khấu hao dự án Cầu vượt Hương lộ 2	-	-
	Trích trước chi phí duy tu sửa chữa	35.402.187.790	-
	<b>Cộng</b>	<b>35.402.187.790</b>	<b>-</b>
<b>18</b>	<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	Kinh phí công đoàn	50.100.174	41.886.454
	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
	Phải trả các đội thi công của Công ty	2.093.735.980	11.159.176.941
	Cổ tức	833.520.190	371.621.130
	Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	444.352.250	1.872.809.073
	<b>Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>3.421.708.594</b>	<b>13.445.493.598</b>
<b>19</b>	<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL	4.122.306.000	4.122.306.000
	Phải trả IDICO-LINCO	3.088.608.011	3.088.608.011
	<b>Cộng phải trả phải nộp dài hạn</b>	<b>7.210.914.011</b>	<b>7.210.914.011</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)*

	31/12/2015	01/01/2015
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>		
Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A (HĐTĐ số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011 ký kết với EXIMBANK- CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm)	581.469.000.000	629.469.000.000
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2 (HĐTĐ số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014 ký kết với EXIMBANK- CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm)	227.249.748.004	185.025.360.895
<b>Cộng</b>	<b>808.718.748.004</b>	<b>814.494.360.895</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2014	249.492.000.000	6.016.752.734	15.881.880.881	79.116.889.346	350.507.522.961
Tăng trong kỳ trước	-	1.128.705.403	1.881.175.671	36.592.370.680	39.602.251.754
Lãi	-	-	-	36.592.370.680	36.592.370.680
Phân phối LN	-	1.128.705.403	1.881.175.671	-	3.009.881.074
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	4.138.586.477	4.138.586.477
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	4.138.586.477	4.138.586.477
<b>Số dư 31/12/2014</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>7.145.458.137</b>	<b>17.763.056.552</b>	<b>79.116.889.346</b>	<b>353.517.404.035</b>
Số dư 01/01/2015	249.492.000.000	7.145.458.137	17.763.056.552	79.116.889.346	353.517.404.035
Tăng trong kỳ	-	-	11.536.542.619	57.770.150.288	69.306.692.907
Lãi	-	-	-	57.770.150.288	57.770.150.288
Chuyển theo TT200	-	-	7.145.458.137	-	7.145.458.137
PP lợi nhuận	-	-	4.391.084.482	-	4.391.084.482
Giảm trong kỳ	-	7.145.458.137	-	46.139.423.016	53.284.881.153
Chia cổ tức	-	-	-	39.918.720.000	39.918.720.000
Chuyển theo TT200	-	7.145.458.137	-	-	7.145.458.137
PP lợi nhuận	-	-	-	6.220.703.016	6.220.703.016
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.299.599.171</b>	<b>90.747.616.618</b>	<b>369.539.215.789</b>

	31/12/2015	01/01/2015
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Quý IV năm 2015

*(Tiếp theo)*

	31/12/2015	01/01/2015
<b>c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>39.918.720.000</b>	<b>-</b>
<b>d. Cổ tức</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014 là 16%		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
<b>e. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>f. Các quỹ của DN</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Quỹ đầu tư phát triển	29.299.599.171	17.763.056.552
Quỹ dự phòng tài chính	-	7.145.458.137
<b>Cộng</b>	<b>29.299.599.171</b>	<b>24.908.514.689</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014
<b>25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	82.094.690.913	43.036.404.546
Doanh thu xây lắp	-	(81.349.118)
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	586.398.000	-
<b>Cộng</b>	<b>82.681.088.913</b>	<b>42.955.055.428</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015**

*(Tiếp theo)*

Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	82.094.690.913	43.036.404.546
Doanh thu xây lắp	-	(81.349.118)
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	586.398.000	-
<b>Cộng</b>	<b>82.681.088.913</b>	<b>42.955.055.428</b>
<b>26 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	45.381.177.335	26.254.345.706
Giá vốn xây lắp	-	(81.349.118)
Giá vốn hoạt động dịch vụ công ích	508.851.850	-
<b>Cộng</b>	<b>45.890.029.185</b>	<b>26.172.996.588</b>
<b>27 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	514.988.560	108.130.186
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>514.988.560</b>	<b>108.130.186</b>
<b>28 Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí lãi vay	6.371.747.407	146.931.128
<b>Cộng</b>	<b>6.371.747.407</b>	<b>146.931.128</b>
<b>29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	2.745.366.421	499.811.914
Chi phí Thuế TNDN hoãn lại ( Của khoản chi phí trích trước)	(1.770.109.389)	-
<b>Cộng</b>	<b>975.257.032</b>	<b>499.811.914</b>
<b>30 Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.199.087.785	10.640.971.566

*(\*) Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty điều chỉnh tăng mức thu tại Trạm thu phí An Suông An Lạc để hoàn vốn cho dự án BOT An Suông An Lạc (giai đoạn 1 và 3) kết hợp với tăng trường lưu lượng xe làm cho doanh thu thu phí trong kỳ tăng 90,76% so với cùng kỳ năm trước. Kết hợp với việc tăng giá vốn tương xứng với doanh thu và ghi nhận chi phí tài chính của giai đoạn 3 (Cầu vượt Hương lộ 2) đã làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 71,03% so với cùng kỳ năm 2014*



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015***(Tiếp theo)**- Các khoản điều chỉnh giảm*

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	18.199.087.785	10.640.971.566
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	729	427
<b>31 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.689.052.041	48.826.923.897
Chi phí nhân công	10.627.969.119	15.212.425.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.513.192.090	23.811.285.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.170.632.065	57.029.378.481
Chi phí khác bằng tiền	1.236.333.954	1.203.735.303
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.237.179.269</b>	<b>146.083.748.982</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2015)	Phát sinh nợ (01/01->31/12)	Phát sinh có (01/01->31/12)	Số dư cuối kỳ (31/12/2015)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
<b>IDICO</b> (Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)					<b>9.355.950 cổ phần</b>
Phải thu 131	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	14.969.520.000	14.969.520.000	-	
<b>IDICO-CONAC</b> (Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO)					<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải trả (cổ tức)	-	3.991.872.000	3.991.872.000	-	
Phải trả Xây lắp	1.522.129.940	1.522.129.940	-	-	
<b>IDICO-UDICO</b> (Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)					<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	3.991.872.000	3.991.872.000	-	
<b>IDICO-URBIZ</b> (Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO)					<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	3.991.872.000	3.991.872.000	-	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý IV năm 2015**

*(Tiếp theo)*

**2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014, báo cáo tài chính quý 4 năm 2014, BCTC quý 1, quý 2, quý 3 năm 2015

**3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

**4 Những thông tin khác**

Trong báo cáo tài chính, có những chi tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

